

Bản án số: 98/2018/ HNGĐ – ST
Ngày: 06 - 11 - 2018
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀM THUẬN BẮC, BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa : Bà Nguyễn Thị Bạch Tuyết.

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Nguyễn Khắc Nhu.

2/ Bà Lê Thị Kim Lan.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Lài– Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc , tỉnh Bình Thuận.

Ngày 06 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 396/2018/TLST – HNGĐ ngày 25 tháng 7 năm 2018. Về: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 98/2018/QĐXXST– HNGĐ ngày 01/10/2018; Quyết định hoãn phiên tòa số 86/2018/QĐST-HNGĐ ngày 18/10/2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn : Bà Nguyễn Thị T – Sinh năm 1974.

Bị đơn : Ông Lê B – Sinh năm 1976.

Cùng địa chỉ: Thôn N, thị trấn M, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận.

Có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 19/7/2018 và tại khai ghi ngày 03/8/2018 nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày: Bà với ông B cưới nhau vào năm 1997, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn M, huyện H, tỉnh Bình Thuận. Việc cưới nhau là do tìm hiểu, thời gian tìm hiểu 01 năm thì cưới. Sau khi cưới, vợ chồng sống chung tại thôn N, thị trấn M, huyện H, tỉnh Bình Thuận. Vợ chồng sống với nhau đến nay hơn 20 năm nhưng bà cảm thấy không hạnh phúc. Do vợ chồng làm ăn gặp khó khăn về kinh tế, nên vợ chồng thường mâu thuẫn, cãi vã nhau. Rất nhiều lần ông B nhậu nhẹt

say sìn rồi về đánh đập, chửi bới bà. Những lần như vậy chính quyền địa phương mời ông B giải quyết thì ông B cứ hứa hẹn rồi chứng nào tật ấy không sửa đổi. Từ tháng 4/2018 ông B bỏ đi theo người phụ nữ khác rất ít khi về nhà, bà có liên lạc kêu ông về giải quyết thì ông kiên quyết không về. Nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Lê B.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Lê Thị Kim N – sinh ngày 06/01/1998; Lê Quý V - sinh ngày 29/6/2004. Hiện nay cháu V đang ở với bà, khi ly hôn bà yêu cầu được quyền tiếp tục nuôi cháu V và không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con. Đối với cháu N đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án cùng chính quyền địa phương đã nhiều lần đến nơi ở của ông B để tổng đạt các văn bản tố tụng, nhưng ông B cố tình lẩn tránh. Tòa án tiến hành niêm yết theo quy định pháp luật, ông B vẫn không đến Tòa án, vắng mặt không có lý do và cũng không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, được thẩm tra tại phiên tòa, nghe tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Bà Nguyễn Thị T yêu cầu được ly hôn, tranh chấp nuôi con với ông B. Do vậy, xác định quan hệ pháp luật là ly hôn, tranh chấp nuôi con. Ông Lê B có hộ khẩu thường trú tại thị trấn M, huyện H. Căn cứ vào nơi cư trú và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn. Xét vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận, được pháp luật quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét bị đơn ông Lê B đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án theo quy định của pháp luật, nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn Ông Lê B.

[3] Về nội dung:

[3.1] Về hôn nhân: Bà T với ông B cưới nhau năm 1997 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn M, huyện H, tỉnh Bình Thuận. Thời gian vợ chồng chung sống với nhau được hơn 20 năm thì phát sinh mâu thuẫn nghiêm trọng. Nguyên nhân theo bà T là xuất phát những khó khăn về kinh tế trong cuộc sống gia đình, nên vợ chồng thường xuyên cãi vã và đánh đập nhau. Ngoài ra bà T cho rằng ông B là một

người chồng sống không chung thủy với bà. Do vậy bà T xác định tình cảm vợ chồng không còn nữa, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu được ly hôn ông B. Sau khi Tòa án thụ lý giải quyết, Tòa án đã nhiều lần triệu tập ông B đến Tòa để hòa giải, nhưng ông B cố tình lẩn tránh, vắng mặt không có lý do, nên Tòa không tiến hành hòa giải vụ án theo quy định của pháp luật được. Việc đó thể hiện ý thức xem thường pháp luật, không thiết tha gì đến hạnh phúc và hôn nhân của mình. Do đó Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật. Xét thấy, vợ chồng ông bà trong cuộc sống có khó khăn về kinh tế, nhưng vợ chồng không tìm được tiếng nói chung trong việc giải quyết để hòa thuận trong gia đình mà lại xung đột, dẫn đến những mâu thuẫn làm cho đời sống chung căng thẳng, vợ chồng không hòa hợp nhau. Ông B cũng không tha thiết gì với cuộc hôn nhân, thể hiện ông lẩn tránh không đến Tòa án để giải quyết. Xét tình cảm giữa bà T và ông B không còn nữa, không thể tiếp tục cuộc sống chung được. Do vậy yêu cầu được ly hôn của bà T là có căn cứ, nên chấp nhận.

[3.2] Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Lê Thị Kim N – sinh ngày 06/01/1998; Lê Quý V - sinh ngày 29/6/2004. Hiện nay cháu V đang ở với bà T, khi ly hôn bà yêu cầu được quyền tiếp tục nuôi cháu V. Đối với cháu N đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Xét hiện nay cháu V đang ở ổn định với bà T, theo nguyện vọng của cháu V cũng mong muốn được tiếp tục ở với mẹ. Vì vậy yêu cầu của bà T là hoàn toàn phù hợp, đúng pháp luật, nên chấp nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con: Do bà T không yêu cầu, nên Tòa không xem xét giải quyết.

[3.3] Về tài sản và nợ: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

[4] Về án phí: Bà Nguyễn Thị T phải chịu 300.000đ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng Dân sự và Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Ông Lê B không phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 9, các Điều 51, 53, 54, 56, 57, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình; Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 70, 71, 72, Khoản 4 Điều 91, Điều 146, Khoản 4 Điều 147, Điều 207, Khoản 2 Điều 227, 228 Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự. Điểm a Khoản 1 Điều 24, Điểm a Khoản 5

Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Điều 26 Luật Thi hành án Dân sự.

Tuyên Xử:

1/ Về Hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị T. Bà Nguyễn Thị T được ly hôn ông Lê B.

2/ Về con chung : Giao con tên Lê Quý V - sinh ngày 29/6/2004 cho bà T được quyền tiếp tục nuôi dưỡng.

Ông B được quyền trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3/ Về tài sản và nợ: Không yêu cầu giải quyết.

4/ Về án phí: Bà Nguyễn Thị T phải chịu 300.000đ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm. Bà T đã nộp 300.000đ tạm ứng án phí theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0022946 ngày 25/7/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hàm Thuận Bắc, nên không phải nộp nữa.

Ông Lê B không phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Báo cho nguyên đơn biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án sơ thẩm.

Báo cho bị đơn biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại địa phương.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND huyện Hàm Thuận Bắc;
- Chi cục THADS H.Hàm Thuận Bắc;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Bạch Tuyết

